

Bán ra

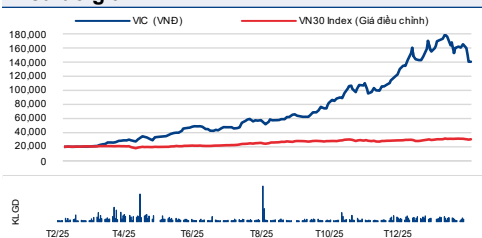
Giá mục tiêu: VND62,500

Tiềm năng tăng/giảm: -55.5%

Giá cổ phiếu (đồng) (30/1/2026)	140,500
Mã Bloomberg	VIC VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	19,950-179,000
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	146,480
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	1,058,025
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	40,792
Slg CP lưu hành (tr.đv)	7,530
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	1,845
Slg CP NN được mua (tr.đv)	1,561
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	7.54%
Tỷ lệ freefloat	27.4%
Cổ đông lớn	tịch , người liên quan (66.5%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	192,159	270,213	322,328
EBITDA đc (tỷ đồng)	53,114	42,377	31,034
LNTT (tỷ đồng)	16,701	13,815	2,568
LNT ĐC (tỷ đồng)	4,004	7,878	(16,047)
FCF (tỷ đồng)	(32,849)	(970)	11,272
EPS ĐC (đồng)	518	80.7	308
DPS (đồng)	-	-	-
BVPS (đồng)	18,270	18,350	18,659
T.trưởng EBITDA (%)	105	(20.2)	(26.8)
T.trưởng EPS ĐC (%)	443	(94.8)	282
Tăng trưởng DPS (%)	-	-	-
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	27.6	15.7	9.63
Tỷ suất LNTT (%)	8.69	5.11	0.80
Tỷ suất LNT ĐC (%)	6.11	0.23	0.72
Tỷ lệ LN trả CT (%)	-	-	-
Nợ thuần/VCSH (%)	233	237	248
ROAE (%)	9.33	0.44	1.67
ROACE (%)	10.3	4.11	0.78
EV/doanh thu (lần)	6.46	4.61	3.84
EV/EBITDA ĐC (lần)	23.4	29.4	39.9
P/E ĐC (lần)	271	1,741	456
P/B (lần)	7.69	7.66	7.53
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

VIC là công ty tư nhân lớn nhất VN, nhà phát triển khu dân cư & thương mại số 1. Công ty cũng sản xuất ô tô, xe máy điện & thiết bị điện tử thông minh cũng như cung cấp các dịch vụ giáo dục, khách sạn và y tế.

Chuyên viên phân tích

Hồ Thị Kiều Trang, CFA

Giám đốc, Ngành Bất Động Sản
trang.htk@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 129

Phạm Ngọc Trung, CFA

Trưởng phòng, Ngành Bất Động Sản
trung.pn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 172

Vượt kỳ vọng tại VHM, lỗ của VFS thu hẹp

- Lợi nhuận thuần Q4/2025 của VIC đạt 6,8 nghìn tỷ đồng (tăng gấp 3,3 lần so với cùng kỳ và gấp 10,6 lần so với quý trước), trên doanh thu 163 nghìn tỷ đồng, tăng gấp 2,5 lần so với cùng kỳ và 4,2 lần so với quý trước, nhờ doanh số BĐS cải thiện và số lượng bàn giao xe điện tăng mạnh.
- Nhìn chung, KQKD cao hơn kỳ vọng của HSC nhờ thu nhập từ BĐS cao hơn dự báo và mức lỗ tại VinFast thu hẹp nhẹ. Số lượng xe điện bàn giao trong Q4/2025 tăng 63% so với cùng kỳ, nhìn chung sát với dự báo của chúng tôi.
- Giá cổ phiếu VIC giảm 22,9% trong 1 tháng qua (dù vẫn tăng 547% trong 12 tháng qua) do tâm lý thị trường suy yếu sau khi Công ty công bố rút khỏi dự án Đường sắt cao tốc Bắc-Nam. Thị giá VIC đang cao hơn 91% so với ước tính RNAV của chúng tôi. HSC duy trì khuyến nghị Bán ra.

Sự kiện: Công bố KQKD Q4/2025 & năm 2025 và tổ chức họp với NĐT

VIC ghi nhận lợi nhuận thuần Q4/2025 đạt 6,8 nghìn tỷ đồng (tăng gấp 3,3 lần so với cùng kỳ, 10,6 lần so với quý trước), trên doanh thu 163,2 nghìn tỷ đồng (tăng gấp 2,5 lần so với cùng kỳ, 4,2 lần so với quý trước). Loại trừ các khoản mục không thường xuyên (không đáng kể), LNST từ HĐKD cốt lõi đạt 3,6 nghìn tỷ đồng, cải thiện đáng kể so với khoản lỗ 2,3 nghìn tỷ đồng trong cùng kỳ năm trước.

KQKD Q4/2025 của VIC vượt dự báo của HSC nhờ thu nhập từ VHM cao hơn và mức lỗ tại VinFast thu hẹp nhẹ.

Tính chung cả năm, Công ty ghi nhận doanh thu đạt 332,8 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 76%) và lợi nhuận thuần đạt 13,4 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 13%).

Vinhomes vượt kỳ vọng, dẫn dắt lợi nhuận

Cơ cấu KQKD theo từng mảng như sau.

Mảng phát triển BĐS nhà ở: VHM công bố BCTC Q4/2025 với lợi nhuận thuần đạt 26,7 nghìn tỷ đồng, tăng 120% so với cùng kỳ, trên doanh thu 103 nghìn tỷ đồng, tăng 218% so với cùng kỳ, chủ yếu nhờ các giao dịch bán buôn tại Vinhomes Green Paradise và hoạt động bàn giao tại Vinhomes Ocean Park (OCP) 2&3 và Vinhomes Royal Island (VRI).

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 3/2.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q4/2025 và cả năm 2025, VIC

Tỷ đồng	Q4/24	Q4/25	So với cùng kỳ	2024	2025	Tăng trưởng
Doanh thu thuần	65,244	163,159	150.1%	cc	332,770	76.0%
Lợi nhuận gộp	9,999	37,008	270.1%	27,301	52,338	91.7%
Thu nhập tài chính	10,268	10,605	3.3%	47,925	50,499	5.4%
Chi phí tài chính	(7,215)	(16,518)	128.9%	(31,208)	(47,826)	53.2%
Chi phí bán hàng	(6,565)	(12,699)	93.5%	(18,054)	(28,599)	58.4%
Chi phí quản lý	(6,114)	(5,382)	-12.0%	(15,148)	(18,103)	19.5%
Lợi nhuận hoạt động	537	13,623	2436.6%	11,665	9,447	-19.0%
Thu nhập thuần khác	4,895	(2,506)	-151.2%	5,074	16,853	232.2%
LNTT	5,433	11,117	104.6%	16,739	26,300	57.1%
LNST	1,182	3,581	202.9%	5,276	11,146	111.3%
Lợi nhuận thuần	2,025	6,768	234.3%	11,903	13,446	13.0%
Các khoản mục ròng không thường xuyên	4,313	(46)	-101.1%	34,556	51,502	49.0%
Lợi nhuận 'cốt lõi'	(1,426)	6,805	N/m	(15,742)	(27,756)	76.3%

Nguồn: VIC, HSC

Mức tăng đột biến trong Q4/2025 chủ yếu đến từ các giao dịch bán buôn tại dự án Vinhomes Green Paradise (2.870 ha, TP.HCM) (đúng với dự kiến của chúng tôi) và số lượng bàn giao các căn hộ theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) tại OCP 2&3 cao hơn dự báo.

Để biết thêm chi tiết, vui lòng tham khảo Báo cáo nhanh của chúng tôi về KQKD Q4/2025 của VHM, [Q4/2025: Lợi nhuận thuần tăng 120% so với cùng kỳ; vượt kỳ vọng](#) (ngày 3/2).

Mảng sản xuất: Mảng sản xuất ô tô VinFast (VFS) (VIC sở hữu 51% cổ phần) ghi nhận KQKD tăng mạnh trong Q4/2025 với doanh thu đạt 40,9 nghìn tỷ đồng (tăng 63,5% so với cùng kỳ, tăng 131% so với quý trước). Cho năm 2025, doanh thu đạt 91,5 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 84%), đóng góp 27,4% tổng doanh thu của VIC, nhờ sản lượng xe bàn giao tăng mạnh trong kỳ.

VinFast đã bàn giao 196.919 xe điện trong năm 2025, tương ứng mức tăng 102% về sản lượng so với năm trước. Phần lớn mức tăng trưởng này đến từ quý cuối năm, với 86.557 xe (chiếm 43% tổng sản lượng cả năm) được bàn giao trong Q4/2025, tăng 63% so với cùng kỳ. Sản lượng bàn giao nhìn chung sát với dự báo của HSC.

VF3 và VF5 tiếp tục là các mẫu xe bán chạy nhất của VinFast, lần lượt chiếm 22,6% và 22,8% tổng sản lượng bàn giao. Các mẫu xe này chủ yếu thu hút nhóm khách hàng cá nhân mua để sử dụng, như các hộ gia đình. Trong khi đó, mẫu "Limo Green" (các phiên bản taxi VF e34/VF 5) theo sát với tỷ trọng 13,7% tổng sản lượng bàn giao. Nhu cầu này chủ yếu đến từ lĩnh vực taxi và gọi xe công nghệ, nơi hiệu quả chi phí vận hành của xe mang lại lợi thế cạnh tranh rõ rệt so với các phương tiện sử dụng nhiên liệu truyền thống.

Mảng này ghi nhận lỗ HĐKD (100% thuộc VinFast) ở mức 21,5 nghìn tỷ đồng trong Q4/2025, tăng 53,5% so với mức lỗ 14 nghìn tỷ đồng trong Q4/2024, tương ứng với mức tăng của sản lượng. Tuy nhiên, tỷ suất lợi nhuận gộp đang có xu hướng cải thiện, thu hẹp xuống mức -18%, so với các mức -71,6%, -30,8% và -38,6% trong ba năm trước đó. HSC đang chờ thêm chi tiết trong BCTC của VFS (dự kiến công bố vào tháng 4).

Mảng BĐS nghỉ dưỡng: Doanh thu mảng BĐS nghỉ dưỡng (VIC sở hữu 85,6% cổ phần) trong Q4/2025 đạt 3,1 nghìn tỷ đồng, tăng 49,5% so với cùng kỳ, nhờ lượng khách quốc tế đến Việt Nam đạt mức kỷ lục.

Tổng số đêm phòng bán ra của Vinpearl đạt 551.000 đêm trong Q4/2025 và 2,29 triệu đêm cho cả năm 2025, tăng lần lượt 14,2% và 21,3% so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, lượng khách đến các công viên giải trí trong hệ sinh thái của Tập đoàn tăng đáng kể 17% so với cùng kỳ, với tổng lượt khách đạt 9,1 triệu lượt. Mảng này ghi nhận lỗ HĐKD 285 tỷ đồng trong Q4/2025, thu hẹp 57,1% so với cùng kỳ và nhìn chung sát với dự báo của chúng tôi.

Nợ thuần tiếp tục tăng

Tại thời điểm cuối Q4/2025, dư nợ thuần của VIC tăng 43,8% so với cùng kỳ (và 6,1% so với quý trước) lên 256,7 nghìn tỷ đồng, do Công ty đẩy mạnh triển khai nhiều dự án BĐS và mở rộng mảng xe điện. Theo đó, tỷ lệ nợ thuần/vốn CSH tăng lên mức cao nhất từ trước đến nay là 1,7 lần.

Tuy nhiên, nhờ nỗ lực cơ cấu lại nhiều khoản nợ sang kỳ hạn dài hơn, tổng nợ đáo hạn trong 12 tháng tới ở mức 45,6 nghìn tỷ đồng, được đánh giá là có thể kiểm soát trong ngắn hạn. Dù vậy, chúng tôi vẫn thận trọng trước rủi ro thị trường BĐS có thể suy yếu trong ngắn hạn trong bối cảnh điều kiện tín dụng thắt chặt và lãi suất tăng.

Duy trì khuyến nghị và giá mục tiêu

HSC duy trì khuyến nghị Bán ra với giá mục tiêu theo phương pháp SoTP là 62.500đ (rủi ro giảm giá 55,5%), được xác định sau khi áp dụng mức chiết khấu tương đối hẹp 15%. Giá cổ phiếu VIC đã giảm 22,9% trong 1 tháng qua (dù vẫn tăng 547% trong 12 tháng qua) do tâm lý thị trường suy yếu sau khi Công ty công bố rút khỏi dự án Đường sắt cao tốc Bắc-Nam. Thị giá VIC đang cao hơn 91% so với ước tính RNAV/cp của chúng tôi.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	161,428	192,159	270,213	322,328	367,231
Lợi nhuận gộp	23,508	28,112	34,857	54,983	73,784
Chi phí BH&QL	(25,977)	(35,082)	(48,391)	(49,839)	(57,492)
Thu nhập khác	15,358	42,820	33,079	0	0
Chi phí khác	(4,581)	(5,482)	(6,280)	(2,711)	(3,118)
EBIT	8,308	30,368	13,266	2,434	13,175
Lãi vay thuần	(11,192)	(16,239)	(17,155)	(17,726)	(17,513)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	(97.8)	849	1,386	984	1,279
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	16,751	1,723	16,319	16,877	(2,590)
LNTT	13,769	16,701	13,815	2,568	(5,650)
Chi phí thuế TNDN	(11,713)	(11,473)	(12,728)	(12,900)	(9,431)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(101)	(6,484)	478	(12,660)	(18,260)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	2,157	11,735	609	2,328	3,179
Lợi nhuận thuần ĐC	5,060	4,004	7,878	(16,047)	(26,396)
EBITDA ĐC	25,914	53,114	42,377	31,034	42,288
EPS (đồng)	286	1,554	80.7	308	421
EPS ĐC (đồng)	655	518	80.7	308	421
DPS (đồng)	-	-	-	-	-
Sig CP bình quân (triệu đv)	7,530	7,550	7,550	7,550	7,550
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	7,550	7,550	7,550	7,550	7,550
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	7,707	7,726	7,726	7,726	7,726

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	27,983	42,669	70,906	70,589	105,551
Đầu tư ngắn hạn	6,999	6,593	6,593	6,593	6,593
Phải thu khách hàng	168,115	190,336	197,800	215,267	223,638
Hàng tồn kho	92,624	112,799	162,480	194,504	245,819
Các tài sản ngắn hạn khác	47,817	47,978	52,170	54,968	57,380
Tổng tài sản ngắn hạn	343,536	400,375	489,950	541,922	638,981
TSCĐ hữu hình	128,274	144,925	136,135	126,875	116,145
TSCĐ vô hình	31,931	37,667	35,063	32,045	28,563
Bất động sản đầu tư	37,538	13,299	20,676	23,928	27,307
Đầu tư dài hạn	13,066	18,237	20,176	22,309	24,655
Đầu tư vào Cty LD,LK	1,539	9,222	9,222	10,206	11,485
Tài sản dài hạn khác	111,772	215,492	215,819	216,270	216,703
Tổng tài sản dài hạn	324,119	438,841	437,091	431,633	424,857
Tổng cộng tài sản	667,656	839,216	927,040	973,554	#####
Nợ ngắn hạn	116,235	97,217	132,621	133,870	185,526
Phải trả người bán	34,874	48,825	68,108	68,783	82,715
Nợ ngắn hạn khác	185,036	196,991	223,206	255,210	256,600
Tổng nợ ngắn hạn	401,298	514,845	605,489	671,697	781,975
Nợ dài hạn	97,018	126,913	122,655	112,933	107,650
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	1,202	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	11,993	41,939	42,290	42,649	43,018
Tổng nợ dài hạn	110,213	168,852	164,945	155,582	150,668
Tổng nợ phải trả	519,434	685,699	772,436	829,281	934,645
Vốn chủ sở hữu	113,741	137,939	138,548	140,876	144,056
Lợi ích cổ đông thiểu số	34,481	15,579	16,057	3,397	(14,863)
Tổng vốn chủ sở hữu	148,222	153,518	154,605	144,273	129,193
Tổng nợ phải trả và VCSH	667,656	839,216	927,040	973,554	#####
BVPS (đ)	15,065	18,270	18,350	18,659	19,080
Nợ thuần*/(tiền mặt)	185,271	181,461	184,369	176,214	187,625

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	8,308	30,368	13,266	2,434	13,175
Khấu hao	(17,606)	(22,746)	(29,111)	(28,601)	(29,114)
Lãi vay thuần	(11,192)	(16,239)	(17,155)	(17,726)	(17,513)
Thuế TNDN đã nộp	(6,880)	(10,620)	(12,728)	(12,900)	(9,431)
Thay đổi vốn lưu động	(38,984)	22,760	(5,810)	12,959	(3,183)
Khác	14,377	(26,332)	23,585	23,915	5,845
LCT thuần từ HKKD	(20,012)	17,877	24,111	30,832	10,334
Đầu tư TS dài hạn	(54,548)	(50,726)	(25,081)	(19,560)	(18,120)
Góp vốn & đầu tư	(26,339)	(49,866)	(1,939)	(3,117)	(3,625)
Thanh lý	53,069	82,966	0	0	0
Khác	833	(10,278)	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(26,985)	(27,904)	(27,020)	(22,677)	(21,745)
Cổ tức trả cho CSH	(61.0)	(666)	0	0	0
Thu từ phát hành CP	10,753	15,659	0	0	0
Tăng/giảm nợ	38,038	9,720	31,146	(8,473)	46,373
Khác	(11.3)	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	48,718	24,713	31,146	(8,473)	46,373
Tiền & tương đương tiền đầu kì	26,213	27,983	42,669	70,906	70,589
LCT thuần trong kỳ	1,721	14,687	28,237	(317)	34,962
Ảnh hưởng của tỷ giá	48.1	0	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	27,983	42,669	70,906	70,589	105,551
Dòng tiền tự do	(74,560)	(32,849)	(970)	11,272	(7,786)

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	14.6	14.6	12.9	17.1	20.1
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	16.1	27.6	15.7	9.63	11.5
Tỷ suất LNT (%)	1.34	6.11	0.23	0.72	0.87
Thuế TNDN hiện hành (%)	85.1	68.7	92.1	502	(167)
Tăng trưởng doanh thu (%)	58.6	19.0	40.6	19.3	13.9
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(30.0)	105	(20.2)	(26.8)	36.3
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(49.6)	(20.9)	96.8	(304)	(64.5)
Tăng trưởng EPS (%)	(75.5)	443	(94.8)	282	36.6
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(49.8)	(20.9)	(84.4)	282	36.6
Tăng trưởng DPS (%)	-	-	-	-	-
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	-	-	-	-	-
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	1.93	9.33	0.44	1.67	2.23
ROACE (%)	3.05	10.3	4.11	0.78	4.51
Vòng quay tài sản (lần)	0.26	0.26	0.31	0.34	0.36
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	(2.41)	0.59	1.82	12.7	0.78
Số ngày tồn kho	245	251	252	266	306
Số ngày phải thu	445	423	307	294	278
Số ngày phải trả	92.3	109	106	93.9	103
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	203	233	237	248	284
Nợ/tài sản (%)	38.8	43.4	43.1	43.1	48.4
EBIT/lãi vay (lần)	0.74	1.87	0.77	0.14	0.75
Nợ/EBITDA (lần)	9.99	6.85	9.44	13.5	12.2
Chỉ số TT hiện thời (lần)	0.86	0.78	0.81	0.81	0.82
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	7.72	6.46	4.61	3.84	3.40
EV/EBITDA ĐC (lần)	48.1	23.4	29.4	39.9	29.5
P/E (lần)	491	90.4	1,741	456	334
P/E ĐC (lần)	215	271	1,741	456	334
P/B (lần)	9.33	7.69	7.66	7.53	7.36
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-	-	-

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn